

Bản án số: **501/2024/DS-PT**  
Ngày: 04-9-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Nước

Ông Sỹ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/7/2024, ngày 05/8/2024, ngày 28/8/2024 và ngày 04/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 382/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** La Thị Ánh T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số D, K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà La Thị Ánh T:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (Có mặt); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2024).

**2. Bị đơn:**

2.1. La Ngọc T1, sinh năm 1977;

2.2. Nguyễn Minh L, sinh năm 1975;

2.3. Nguyễn Minh N, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số A, Quốc lộ H, xóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà La Ngọc T1, ông Nguyễn Minh L, anh Nguyễn Minh N:* Chị Quang Thị Hồng Đ, sinh năm 1983 (Có mặt); Địa chỉ: Tổ A, xóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2024 chứng thực ngày 25/6/2024).

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Võ Thị Thanh T2, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A, xóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Thanh T2:* Ông Trần Tấn T3, sinh năm 1977 (Có mặt phiên tòa ngày 05/8/2024 và ngày 28/8/2024, vắng mặt khi tuyên án ngày 04/9/2024); Địa chỉ: Số A, Tỉnh lộ 848, xóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/12/2022).

3.2. Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Dương Quốc H1, sinh năm 1969 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Người kháng cáo:** Bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà La Thị Ánh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Khoảng tháng 5 năm 2021, bà La Ngọc T1 là cháu ruột gọi bà La Thị Ánh T bằng cô, liên hệ hỏi mượn tiền bà T để làm vốn kinh doanh. Bà T đã chuyển tiền cho bà T1 mượn qua tài khoản số 19035835319015 thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần () Kỹ thương Việt Nam của anh Nguyễn Minh N (con bà T1) nhiều lần tổng số tiền là 2.400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 31/5/2021, từ tài khoản của ông Dương Quốc H1 (Em rể bà T), bà T chuyển cho anh N số tiền 500.000.000 đồng;

+ Ngày 12/6/2021, từ tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1 (Con bà T), bà T chuyển tiền cho anh N 03 lần, tổng số tiền là 800.000.000 đồng;

+ Ngày 21/6/2021, từ tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1, bà T chuyển tiền cho anh N 02 lần, tổng số tiền là 500.000.000 đồng;

+ Ngày 30/6/2021, từ tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1, bà T chuyển cho anh N số tiền là 100.000.000 đồng;

+ Ngày 12/01/2022, từ tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1, bà T chuyển tiền cho anh N 02 lần tổng số tiền là 500.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà T cho bà T1 vay là 2.400.000.000 đồng. Những lần chuyển tiền là do bà T1 gọi điện hỏi mượn bà T, nên bà T mới nhờ ông H1 và chị L1 gửi tiền về cho bà T1 qua tài khoản của anh N là con bà T1.

Về lãi suất hai bên thỏa thuận là từ 3-4%/tháng, bà T1 có đóng lãi cho bà T nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chị L1 và tài khoản của bà T. Tổng số tiền lãi mà bà T1 đã trả cho bà T là 443.000.000 đồng.

Đồng thời, thông qua tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1, bà T có chuyển cho bà Võ Thị Thanh T2 tổng cộng 800.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 20/9/2021 chuyển 02 lần, tổng cộng 500.000.000 đồng và ngày 08/10/2021 chuyển số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn H đại diện cho bà La Thị Ánh T yêu cầu bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N và ông Nguyễn Minh L liên đới trả số tiền vốn vay 2.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2023 theo lãi suất 10%/năm là 510.699.000 đồng, trừ đi số tiền lãi bà T1 đã trả là 443.000.000 đồng, còn lại 67.699.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 2.467.699.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất 10%/năm.

Đối với số tiền bà T chuyển cho chị Võ Thị Thanh T2 800.000.000 đồng, hiện tại bà T đang làm đơn tố giác chị T2 đến Phòng C Công an tỉnh Đ. Do đó, bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị T2.

**- Bị đơn bà La Ngọc T1, ông Nguyễn Minh L và anh Nguyễn Minh N trình bày:** Trước đây chị Võ Thị Thanh T2 có quen biết, làm ăn với anh Nguyễn Minh Đ1 là cháu rể của bà La Thị Ánh T. Bà T biết việc làm ăn giữa chị T2 với anh Đ1 thuận lợi, anh Đ1 cho chị T2 vay tiền với lãi suất cao và chị T2 cũng trả tiền vốn và lãi sòng phẳng nên muốn làm ăn với chị T2. Tuy nhiên, bà T không biết chị T2 nên nhờ bà T1 đứng ra giới thiệu để bà T cho chị T2 vay tiền, do chỗ bà con nên bà T1 đồng ý nhận tiền từ bà T để chuyển cho chị T2 vay giùm cho bà T, cụ thể như sau:

+ Ngày 25/5/2021, bà T đưa cho bà T1 200.000.000 đồng để bà T1 chuyển vào tài khoản của anh N để anh N chuyển lại cho chị T2;

+ Ngày 31/5/2021, bà T có chuyển cho anh N 500.000.000 đồng và anh N đã chuyển cho chị T2;

+ Ngày 13/6/2021, bà T có chuyển cho anh N 800.000.000 đồng và anh N đã chuyển cho chị T2;

+ Ngày 21/6/2021, bà T có chuyển cho anh N 500.000.000 đồng và anh N đã chuyển cho chị T2;

+ Ngày 30/6/2021, bà T có chuyển cho anh N 100.000.000 đồng và N đã chuyển cho chị T2;

+ Ngày 22/8/2021, bà T có chuyển cho anh N 100.000.000 đồng và anh N đã chuyển cho chị T2.

Tổng số tiền mà bà T nhờ bà T1 chuyển cho chị T2 thông qua tài khoản của anh N là 2.200.000.000 đồng. Đây là thỏa thuận giữa bà T với chị T2. Bà T1, anh N, ông L không có liên quan gì đến các khoản tiền này, cũng không có nhận tiền lãi đối với số tiền vay này.

Bà La Ngọc T1, ông Nguyễn Minh L, anh Nguyễn Minh N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Ánh T. Đồng thời bà T1, anh N cũng không có yêu cầu gì đối với chị T2 trong vụ án này.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thanh T2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Tấn T3 trình bày:** Chị T2 thừa nhận có vay của bà T thông qua anh N chuyển giùm cho bà T. Tổng số tiền mà anh N đã chuyển cho chị T2 là 2.200.000.000 đồng. Sau đó bà T chuyển trực tiếp cho chị T2, không thông qua anh N nữa. Đến thời điểm hiện tại thì chị T2 còn nợ lại bà T số tiền vốn vay là 3.110.000.000 đồng. Quá trình vay thì chị T2 đã chuyển trả tiền lãi cho bà T là 849.200.000 đồng.

Chị T2 đồng ý trả cho bà T số tiền vốn vay 2.260.800.000 đồng.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc H1 trình bày:** Số tiền 500.000.000 đồng mà ông H1 chuyển cho anh N ngày 31/5/2021 là của bà La Thị Ánh T nhờ ông chuyển giùm cho anh Nguyễn Minh N. Ông H1 không có yêu cầu gì đối với số tiền trên.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết L1 trình bày:** Năm 2021 và 2022 chị L1 có chuyển giùm cho mẹ chị là bà T tổng số tiền 2.700.000.000 đồng cho anh N và chị T2. Đây là tiền của bà T nhờ chị chuyển giùm nên chị L1 không có yêu cầu gì đối với số tiền trên.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Ánh T.

Buộc bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N liên đới trả cho bà La Thị Ánh T số tiền vốn vay là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2023 là 67.699.000đ (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng vốn, lãi 2.467.699.000 (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N liên đới chịu

81.353.000đ (T4 mươi một triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo. Bà T1 không đồng ý với anh N liên đới trả cho bà La Thị Ánh T số tiền như trong bản án sơ thẩm đã tuyên, vì số tiền này bà T1 không có vay mượn, cũng như đứng ra bảo lãnh cho chị Võ Thị Thanh T2 vay mượn của bà T. Anh N yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh N trả cho bà T số tiền hơn hai tỷ đồng vốn và lãi.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Chị Quang Thị Hồng Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N trình bày: Bà T1 và anh N kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị Võ Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà La Thị Ánh T, do bà T1 và anh N không có vay mượn, cũng như đứng ra bảo lãnh cho chị T2 vay mượn tiền của bà T. Chị T2 cũng đã trả tiền nợ gốc cho bà T theo sao kê tài khoản của chị T2 do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Ngày 06/10/2021 chị T2 chuyển khoản vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1 để trả cho bà T 499.280.000 đồng; Ngày 12/01/2022 chị T2 chuyển khoản vào tài khoản của chị Tuyết L1 để trả cho bà T 503.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng là tiền cà phê. Đến cuối tháng 01/2022 thì anh N bận đi học, nên việc thực hiện giao dịch chuyển tiền là giữa bà T và chị T2. Ngoài ra, chị T2 cũng đã trả lãi cho bà T được số tiền 675.005.500 đồng thông qua việc chuyển khoản cho chị Tuyết L1, bà T và có trả tiền mặt. Như vậy, số tiền gốc còn nợ 2,4 tỷ đã trả gần 1 tỷ như nêu trên, nên chỉ còn nợ bà T khoảng hơn 1,4 tỷ đồng, không còn nợ 2,4 tỷ đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà La Thị Ánh T trình bày: Bà T thống nhất có nhận và đồng ý cần trừ số tiền 500.000.000 đồng ngày 12/01/2022 và số tiền 499.280.000 ngày 16/10/2021 vào nợ gốc 2.400.000.000 đồng mà chị T2 thay bà T1 trả cho bà T. Thống nhất áp dụng mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) mà Tòa án sơ thẩm đã áp dụng khi tính lãi trên nợ gốc, thời gian tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2023 và trừ vào số tiền lãi mà bà T đã nhận là 443.000.000 đồng.

- Ông Trần Tân T3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thanh T2 trình bày: Thống nhất kháng cáo của bị đơn bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N và trình bày của chị Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 và anh N như nêu trên. Bởi vì, chị T2 có vay tiền của bà T thông qua mối quan hệ với bà T1, do bà T1 không có tài khoản Ngân

hàng nên mượn tài khoản của anh N để chuyển tiền. Chị T2 đã chuyển khoản trả gốc và lãi vay cho bà T thông qua tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết L1, ông Dương Quốc H1, chị Dương Bội N1. Ông T3 yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T1, anh N, theo đó chị T2 thống nhất trả tiền nợ vay cho bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, theo hướng: Bà T1, anh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền gốc 1.400.720.000 đồng và điều chỉnh đối với tiền lãi mà bà T1, anh N đã trả cho bà T theo quy định của pháp luật (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 384/PB-VKS-DS ngày 28/8/2024).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N nộp đơn kháng cáo đề ngày 02/10/2023 vào ngày 03/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Tuyết L1, ông Dương Quốc H1 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà La Thị Ánh T là cô ruột của bà La Ngọc T1 có thỏa thuận cho bà T1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 2.400.000.000 đồng. Thông qua tài khoản của ông Dương Quốc H1 (Em rể bà T) và tài khoản của chị Nguyễn

Thị Tuyết L1 (Con bà T) thì bà T đã chuyển tiền cho bà T1 vay qua tài khoản số 19035835319015 của anh Nguyễn Minh N (con bà T1) được mở tại Ngân hàng TMCP K. Về lãi suất tiền vay các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói (bằng miệng) không xác định cụ thể, bà T1 có đóng lãi cho bà T nhiều lần bằng hình thức thông qua tài khoản của chị Võ Thị Thanh T2 để chuyển vào tài khoản của chị Tuyết L1 và tài khoản của bà T, tổng số tiền lãi mà bà T1 đã trả cho bà T là 443.000.000 đồng. Nguyên đơn bà La Thị Ánh T yêu cầu bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N và ông Nguyễn Minh L liên đới trả số tiền vốn vay 2.400.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm. Bị đơn bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T, do số tiền bà T chuyển qua tài khoản của anh N tổng cộng là 2.400.000.000 đồng là số tiền mà bà T cho chị Võ Thị Thanh T2 vay, bà T1 và anh N chỉ chuyển dùm cho bà T sang cho chị T2. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Ánh T, buộc bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà La Thị Ánh T số tiền vốn vay và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là có cơ sở. Bởi vì, việc bà T1 và anh N cho rằng không có vay tiền từ bà T mà chỉ giúp bà T chuyển dùm khoản tiền vay từ bà T sang cho chị T2. Tuy nhiên, bà T1 và anh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị T2 là người vay tiền của bà T đối với khoản vay 2.400.000.000 đồng, việc này không được bà T thừa nhận. Mặc dù chị T2 thống nhất trả khoản nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng không được bà T chấp nhận, mặc khác bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giao dịch vay tiền giữa bà T và chị T2 mà chỉ có căn cứ chứng minh giao dịch vay tiền giữa bà T và bà T1 theo các phiếu sao kê chuyển tiền qua Ngân hàng. Trong vụ án này do bà T1, anh N không có yêu cầu đối với chị T2, nên Tòa án sơ thẩm không đặt ra giải quyết là phù hợp, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Căn cứ vào kết quả sao kê tài khoản có xác nhận của Ngân hàng TMCP Á cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng minh số tiền bà T đã thông qua tài khoản của ông H1 và chị L1 để chuyển vào tài khoản của anh N để cho bà T1 vay tổng cộng 05 lần là 2.400.000.000 đồng, bao gồm: Ngày 31/5/2021 số tiền 500.000.000 đồng, ngày 12/6/2021 số tiền 800.000.000 đồng, ngày 21/6/2021 số tiền 500.000.000 đồng, ngày 30/6/2021 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 12/01/2022 số tiền 500.000.000 đồng. Đồng thời, cũng có căn cứ chứng minh bà T1 đã chuyển trả lãi vào tài khoản của bà T và chị L1 với tổng số tiền là 443.000.000 đồng, việc này đã được bà T thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thừa nhận việc bà T1 có trả nợ gốc cho bà T số tiền 500.000.000 đồng ngày 12/01/2022 và số tiền 499.280.000 ngày 16/10/2021, nên được vào nợ gốc 2.400.000.000 đồng là có căn cứ. Việc chị Đ (đại diện cho bà T1

và anh N) và ông T3 (đại diện cho chị T2) cho rằng chị T2 đã trả tiền lãi cho bà T 675.005.500 đồng là không đủ cơ sở vì căn cứ vào lời thừa nhận của bà T và sao kê tài khoản của Ngân hàng đối với tài khoản của chị T2 có căn cứ chứng minh số tiền bà T1 trả bà T tiền lãi là 443.000.000 đồng (theo sao kê thể hiện nội dung “chuyển tiền chị T1 trả” hoặc “chuyển tiền chị T1 gửi”), trong trường hợp khi trừ vào tiền lãi phải trả cho bà T còn thừa thì sẽ được trừ vào nợ vay gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi được xác định lại như sau:

Về tiền lãi đối với số tiền vay do các đương sự không xác định được mức lãi suất cho vay cụ thể, nên áp dụng mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) để áp dụng cho từng khoản tiền vay theo từng thời gian vay là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi bà T1, anh N phải trả cho bà T theo lãi suất 0,83%/tháng (30 ngày) tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2023 là:

+ Đối với khoản vay 500.000.000 đồng ngày 31/5/2021, đến ngày 16/10/2021 trả số tiền 499.280.000, tiền lãi tính từ ngày 31/5/2021 đến ngày 16/10/2021 là 04 tháng 16 ngày, số tiền lãi là 18.811.000 đồng. Số tiền gốc còn lại 720.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/10/2021 đến ngày 15/9/2023 lấy tròn là 23 tháng số tiền lãi là 137.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi của khoản vay này là 18.948.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 800.000.000 đồng ngày 12/6/2021, đến ngày 15/9/2023 là 27 tháng 3 ngày số tiền lãi là 179.944.000 đồng;

+ Đối với khoản vay 500.000.000 đồng, ngày 21/6/2021, đến ngày 15/9/2023 là 26 tháng 24 ngày số tiền lãi là 111.220.000 đồng;

+ Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, ngày 30/6/2021, đến ngày 15/9/2023 là 26 tháng 15 ngày số tiền lãi là 21.995.000 đồng;

+ Đối với khoản vay 500.000.000 đồng ngày 12/01/2022 do đã được trả trong ngày 12/01/2022, các đương sự không yêu cầu xác định lãi, nên không tính lãi;

Tổng số tiền lãi bà T1, anh N phải trả cho bà T đến ngày 15/9/2023 là 332.107.000 đồng.

Bà T xác định bà T1 đã đóng lãi được số tiền 443.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền lãi mà bà T1, anh N có nghĩa vụ trả như nêu trên là 332.107.000 đồng, được khấu trừ số tiền bà T nhận thừa 110.893.000 đồng sẽ được trừ vào nợ gốc là 1.400.720.000 đồng (720.000 đồng + 800.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 100.000.000 đồng), còn lại nợ gốc là 1.289.827.000 đồng (1.400.720.000 đồng - 110.893.000 đồng).

Như vậy số tiền mà bà T1 và anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T là 1.289.827.000 đồng.

- Về nghĩa vụ liên đới, Tòa án sơ thẩm chỉ buộc bà T1 và anh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay nêu trên là có cơ sở. Vì số tiền bà T cho



bà T1 vay là chuyển vào tài khoản của anh N. Tại Tờ thỏa thuận ngày 29/8/2022, bà T1 thừa nhận các lần vay mượn tiền do bà T1 trực tiếp liên hệ với bà T, việc này cũng được chị T2 khai nhận không trực tiếp vay từ bà T mà thông qua bà T1 (Đối với khoản vay 2.400.000.000 đồng). Do đó, việc bà T yêu cầu bà T1 và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn và lãi vay là có căn cứ. Đối với ông Nguyễn Minh L do ông L không biết và cũng không đồng ý liên đới trả số tiền vay cho bà T. Nên, việc bà T yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ liên đới với bà T1, anh N trả số tiền vay còn nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Việc Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị Ánh T đối với chị Võ Thị Thanh T2 trả số tiền vay 800.000.000 đồng là có cơ sở, do bà T đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện này và việc rút đơn là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Tuy nhiên, do Tòa án sơ thẩm không thể hiện rõ trong phần quyết định là thiếu sót, nhưng do các đương sự không kháng cáo nội dung này, nên Tòa án phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[4] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1.** Chấp nhận một phần kháng cáo của bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N;

**2.** Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1 Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Ánh T.

Bà La Ngọc T1, anh Nguyễn Minh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà La Thị Ánh T số tiền vay còn nợ là 1.289.827.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà La Thị Ánh T về việc buộc ông Nguyễn Minh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà La Thị Ánh T số tiền vay còn nợ.

2.3. Đình chỉ yêu cầu của bà La Thị Ánh T về việc buộc chị Võ Thị Thanh T2 trả số tiền vay 800.000.000 đồng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà La Ngọc T1 và anh Nguyễn Minh N có nghĩa vụ liên đới chịu 50.694.800đ (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà La Ngọc T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005736, ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Minh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005737, ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**  
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

## **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Ngô Tấn Lợi**